

Số: 27 /BC-SCH

Cà Mau, ngày 25 tháng 9 năm 2021

**BÁO CÁO**

**Phòng, chống dịch bệnh COVID-19 ngày 25/9/2021**

Sở Y tế tỉnh Cà Mau - Thành viên Sở Chỉ huy, báo cáo hoạt động Phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh như sau:

**1. Khái quát chung**

| Nội dung                        |                            | Trong ngày                            | Lũy kế                                                                                     |
|---------------------------------|----------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Số bệnh nhân mắc mới          |                            | <b>04 ca mắc mới</b>                  | 346 người (Năm 2020: 8 người; năm 2021: 338 người)                                         |
| - Số bệnh nhân tái dương tính   |                            | 00                                    | 09 trường hợp (trong đó đang điều trị 06 người)                                            |
| - <b>Số đang điều trị (F0)</b>  |                            | <b>163 người</b>                      |                                                                                            |
| - Số bệnh nhân điều trị khỏi    |                            | 06 người                              | 182 người (đợt dịch này 174 người)                                                         |
| - Số bệnh nhân tử vong          |                            | 00 người                              | 04 người                                                                                   |
| - Cách ly tập trung             |                            | 430 người/29 khu                      | 6.949 người (trong đó đợt dịch này 5.702 người)                                            |
| + Mới trong ngày                |                            | 43 người                              |                                                                                            |
| + Hoàn thành                    |                            | 32 người                              |                                                                                            |
| + Chuyển bệnh viện              |                            | 04 người                              |                                                                                            |
| - Số người đang cách ly tại nhà |                            | 3.112 người (Phát sinh mới 390 người) | 29.000 người (trong đợt dịch này 19.602 người)                                             |
| - Số Hộ gia đình đang cách ly   |                            | 2.232 Hộ (Phát sinh mới 293 Hộ)       | 13.204 Hộ (từ 01/6/2021 đến nay)                                                           |
| - Xét nghiệm PCR tổng số        |                            | 4.809 mẫu (42.817 người)              | 145.467 mẫu (1.190.927 người) (từ đầu năm 2020 đến nay)                                    |
| + Âm tính                       |                            | 4.780 mẫu (42.788 người)              |                                                                                            |
| + Dương tính                    |                            | 29 mẫu (04 ca mới, 25 ca cũ)          |                                                                                            |
| - Xét nghiệm Test nhanh         |                            | 57.107 mẫu (200.855 người)            | 409.295 mẫu (1.096.930 người) (từ ngày 08/6/2021, bao gồm thực hiện dịch vụ được cập nhật) |
| + Âm tính                       |                            | 57.106 mẫu (200.854 người)            |                                                                                            |
| + Dương tính                    |                            | 01 mẫu (ca nghi ngờ)                  |                                                                                            |
| - Xử phạt vi phạm hành chính    |                            | 157 triệu đồng                        | 15.373 triệu đồng (từ 19/7/2021)                                                           |
| - Chốt đường bộ                 | Người vào tỉnh             | 1.170 lượt xe, 1.548 lượt người       |                                                                                            |
|                                 | Người ra tỉnh              | 1.134 lượt xe, 1.393 lượt người       |                                                                                            |
| - Chốt đường thủy               | Người vào tỉnh             | 64 phương tiện, 158 lượt người        |                                                                                            |
|                                 | Người ra tỉnh              | 95 phương tiện, 254 lượt người        |                                                                                            |
| - Số người ngoài tỉnh về        |                            | 104 người                             |                                                                                            |
| Tiêm chủng toàn tỉnh            | + Số mũi tiêm              |                                       |                                                                                            |
|                                 | • Số tiêm 1 mũi            | 3.201 mũi                             | 202.315 mũi                                                                                |
|                                 | • Số tiêm đủ 2 mũi         | 2.668 mũi                             | 138.851 mũi                                                                                |
|                                 |                            | 533 mũi                               | 63.464 mũi                                                                                 |
|                                 | + Số người đã tiêm         |                                       |                                                                                            |
|                                 | • Số người tiêm đủ 02 mũi  | 533 người                             | 138.851 người. Trong đó đã tiêm đủ 02 mũi có 63.464 người                                  |
|                                 | • Số người tiêm 01 mũi     | 2.668 người                           |                                                                                            |
|                                 | + Tỷ lệ %                  |                                       |                                                                                            |
|                                 | • Theo dân số toàn tỉnh    |                                       | 11,6 %                                                                                     |
|                                 | • Theo Nghị quyết 21/NQ-CP |                                       | 16,2 %                                                                                     |
|                                 | + Vắc xin                  |                                       |                                                                                            |
|                                 | • Số được phân bổ          |                                       | 202.450 liều                                                                               |
|                                 | • Số sử dụng               |                                       | 183.700 liều                                                                               |

## **2. Tình hình dịch COVID-19**

### **2.1. Trong ngày ghi nhận 04 ca mới**

04 trường hợp ghi nhận là F1 đã được cách ly tập trung tại Trường Chính trị Cà Mau, có địa chỉ gia đình trong khu vực phong tỏa thuộc khóm 1, phường 4, Tp Cà Mau, là người trong gia đình với bệnh nhân **CAO MINH TH.** (dương tính ngày 24/9/2021) gồm:

- Họ và tên: Trịnh Thị S (chị vợ ông Cao Minh Th), sinh năm 1966, giới tính nữ, nghề nghiệp buôn bán.

- Họ và tên: Trịnh Thị Bé C (vợ ông Cao Minh Th), sinh năm 1970, giới tính nữ, nghề nghiệp buôn bán

- Họ và tên: Trịnh Tuấn A (con ông Cao Minh Th), sinh năm 1993, giới tính nam, nghề nghiệp buôn bán xôi, bánh mì tại nhà

- Họ và tên: Dương Phúc H (vợ Trịnh Tuấn A), sinh năm 1996, giới tính nữ, nghề nghiệp buôn bán xôi, bánh mì tại nhà

Đã lấy mẫu cộng đồng 04 lần âm tính đến 15 giờ 15 phút ngày 24/9/2021 ghi nhận dương tính với SARS-CoV-2

### **2.2. Các trường hợp tái dương tính**

- Trong ngày 00 trường hợp tái dương

- Số trường hợp tái dương đang điều trị: 06 người. Gồm:

+ Đặng Loan Th (điều trị ở Tp Hồ Chí Minh), sinh năm 1986, giới tính nữ. Địa chỉ xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi. Được ghi nhận tái dương tính ngày 24/9/2021. Hiện đang điều trị tại Bệnh viện Dã chiến số 2.

+ Nguyễn Kiều O (điều trị ở Tp Hồ Chí Minh), sinh năm 1973, giới tính nữ. Địa chỉ ấp Thuận Long A, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi. Được ghi nhận tái dương tính ngày 20/9/2021 và đang điều trị tại Bệnh viện đa khoa Cà Mau.

+ Nguyễn Quốc Kh (điều trị ở Bình Dương), sinh năm 2004, giới tính nam. Địa chỉ ấp Tân Lợi, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời. Được ghi nhận tái dương tính ngày 17/9/2021 và đang điều trị tại Bệnh viện Dã chiến số 2.

+ Võ Văn Ng (làm chung Võ Văn T), sinh năm 1993, nam, địa chỉ khóm 2, Phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau. Được ghi nhận tái dương tính ngày 13/9/2021 và đang điều trị tại Bệnh viện Dã chiến số 2.

+ Hồ Đăng Kh (được tỉnh đón về đợt 1), sinh năm 2012, nam, địa chỉ ấp 10, Khánh An, U Minh, Cà Mau. Được ghi nhận tái dương tính ngày 13/9/2021 và đến ngày 17/9/2021 chuyển điều trị tại Bệnh viện Sản Nhi.

+ Nguyễn Tuấn V (từ Bình Dương về), sinh năm 2006, nam, địa chỉ xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi, xuất viện ngày 26/8/2021. Được ghi nhận tái dương tính ngày 13/9/2021 và đang điều trị tại Bệnh viện Sản Nhi.

- Lũy kế có 09 trường hợp tái dương tính (trong đó có 04 trường hợp đã được điều trị ở trong tỉnh, 05 trường hợp điều trị ngoài tỉnh là ở Tây Ninh, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh).

**2.3. Trường hợp tử vong:** Trong ngày là 00 người, lũy tích 04 người.

#### **2.4. Tóm tắt chung**

- Trong đợt dịch này, toàn tỉnh ghi nhận có 338 trường hợp mắc COVID-19 (337 trong nước và 01 nhập cảnh). Lũy tích năm 2020 đến nay là 346 trường hợp.

- Bệnh nhân được điều trị khỏi, ra viện trong ngày là 06 người, trong đợt dịch này có 174 người điều trị khỏi (trong đó có 01 người nhập cảnh). Lũy tích năm 2020 đến nay là 182 người.

- Trường hợp tái dương tính: Trong ngày 00 người, lũy tích 09 người.

- Bệnh nhân tử vong: Trong ngày là 00 người, lũy tích 04 trường hợp.

- Có 163 trường hợp nhiễm SARS-CoV-2 hiện đang điều trị tại: Bệnh viện đa khoa Cà Mau (42 người), Bệnh viện Sản Nhi Cà Mau (37 người) và Bệnh viện dã chiến số 2 - Bệnh viện Y học cổ truyền (84 người). Trong đó có 05 trường hợp diễn tiến nặng đang điều trị tại Bệnh viện đa khoa Cà Mau cụ thể như sau:

+ Họ và tên: Ngô Thị G - BN645780 (từ Bình Dương về và được nhập viện trong tình trạng lơ mơ, liệt  $\frac{1}{2}$  người bên trái), 57 tuổi, giới tính nữ. Địa chỉ Ấp Láng Cù, xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước. Vào viện ngày 12/9/2021, ghi nhận dương tính ngày 15/9/2021. **Nguy kịch (âm tính lần 01 ngày 20/9/2021)**

+ Họ và tên: Trần Thị L - BN635629 (bà nội Mã Khánh X, liên quan đến chùm ca bệnh Tiệm bán bánh trung thu M.T.T), 96 tuổi, giới tính nữ. Địa chỉ khóm 1, phường 4, Thành phố Cà Mau. Vào viện ngày 14/9/2021. **Nguy kịch**

+ Họ và tên: Nguyễn Thúy K - BN511174 (mẹ của Hồ Minh G - BN511173 là người được ghi nhận dương tính khi đã Hoàn thành cách ly tập trung và đang cách ly Hộ gia đình). Giới tính nữ, 70 tuổi. Địa chỉ xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Vào viện lúc 02 giờ 10 ngày 06/09/2021. **Nguy kịch**

+ Họ và tên: Châu Thị K - BN 601371 (mẹ của bà Ngô Thị L - BN551002, liên quan đến chùm ca bệnh Tập đoàn Thủy sản), 72 tuổi, giới tính nữ. Địa chỉ ấp Kinh Hội, xã Khánh Bình, Huyện Trần Văn Thời. Vào viện ngày 10/9/2021. **Nặng**

+ Họ và tên: Âu Thị Ngọc T - BN677777 (nhà cùng dãy Tiệm bánh M.T.T), 52 tuổi, giới tính nữ. Địa chỉ khóm 1, phường 4, Thành phố Cà Mau. **Nặng**

#### **3. Hoạt động truy vết**

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và Trung tâm Y tế các huyện, thành phố phối hợp lực lượng công an khẩn trương rà soát, truy vết liên quan đến trường

hợp dương tính, khoanh vùng, lấy mẫu xét nghiệm, cách ly đồng thời tiến hành phun khử khuẩn các địa điểm liên quan theo quy định. Cụ thể:

- F1: Trong ngày 10 người, lũy kế 1.507 người (tính từ ngày 6/7/2021).
- + 06 F1 tiếp xúc với F0 Đinh Thị Bích Th, Huỳnh Thuỳ M
- + 04 F1 tiếp xúc với F0 Đặng Loan Th
- F2: Mới 46 người, lũy kế 5.697 người (tính từ ngày 6/7/2021).

#### **4.1. Cách ly tập trung**

- Số trường hợp **hoàn thành** cách ly tập trung tại Cà Mau về địa phương: **32 người** (Tp Cà Mau 8, Thới Bình 8, Trần Văn Thời 3, Phú Tân 3, U Minh 2, Năm Căn 1, Cái Nước 3, Ngọc Hiển 2, Kiên Giang 1, Bến Tre 1).

- Số trường hợp **mới vào cách ly tập trung là 43 người (tính đến 12h00 ngày 23/9/2021)**, trong đó:

- + 41 người từ các chốt tỉnh
- + 02 F1 của bệnh nhân Dương Mộng Thường

- Số trường hợp **đang cách ly tập trung: 430 người** (Phụ lục 4).

- Dự kiến trường hợp hoàn thành cách ly tập trung tại tỉnh Cà Mau từ ngày 26 - 28/9/2021 là 38 người.

#### **4.2. Cách ly tại nhà**

- Số người **phát sinh mới cách ly tại nhà là 390 người**, Trong đó:

- + 11 người từ các chốt tỉnh.
- + 25 người từ các chốt huyện, bến phà nhỏ.
- + 32 người là F1 cách ly tại nhà.
- + 200 người tiếp xúc với các F1.
- + 05 người tiếp xúc với người về từ vùng dịch.
- + 94 người hoàn thành cách ly tập trung.
- + 16 người là nhân viên công ty Điện lực Miền Nam đến công tác.
- + 07 người hoàn thành cách ly điều trị.

- Số người **hiện đang cách ly tại nhà là 3.112 người** (Phụ lục 6).

- Tính đến 12 giờ ngày 25/09/2021, **số hộ hiện đang cách ly là 2.232 hộ.**

### **5. Các chùm ca bệnh tính đến 12h00 ngày 25/9/2021**

#### **5.1. Ổ dịch liên quan đến Công ty CBTS TT, khu phong tỏa phường Tân Xuyên, Phường 4**

- + F0: Lũy kế 68 người.
- + F1: Lũy kế 507 người.
- + F2: Lũy kế 1.933 người.

+ F3: Lũy kế: 2.153 người.

**5.2. Liên quan đến Tập đoàn thủy sản**

+ F0: Lũy kế 15 người.

+ F1: Lũy kế 173 người.

+ F2: Lũy kế 1.148 người.

+ F3: Lũy kế 1.532 người.

**5.3. Liên quan đến nhân viên y tế**

+ F0: Lũy kế 05 người.

+ F1: Lũy kế 38 người.

+ F2: Lũy kế 89 người.

+ F3: Lũy kế 71 người.

**5.4. Liên quan xã Đông Thới, huyện Cái Nước**

+ F0: Lũy kế 10 người.

+ F1: Lũy kế 07 người.

+ F2: Lũy kế 43 người.

+ F3: Lũy kế 148 người.

**5.5. Liên quan đến tiệm bánh trung thu**

+ F0: Mới 00 người, lũy kế 43 người.

+ F1: Mới 06 người, lũy kế 241 người.

+ F2: Mới 36 người, lũy kế 979 người.

+ F3: Mới 260 người, lũy kế 1.187 người.

**5.6. Liên quan tiệm cơm, Phường 4**

+ F0: Lũy kế 01 người.

+ F1: Lũy kế 02 người.

+ F2: Lũy kế 08 người.

+ F3: Lũy kế 25 người.

**5.7. Khu phong tỏa Phường 4, Tp Cà Mau**

+ F0: Lũy kế 03 người.

+ F1: Lũy kế 05 người.

**5.8. Phường Tân Xuyên, Tp Cà Mau**

+ F0: Lũy kế 02 người.

+ F1: Lũy kế 07 người.

**5.9. Ổ dịch xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi**

- + F0: Lũy kế 35 người.
- + F1: Lũy kế 137 người.
- + F2: Lũy kế 379 người.
- + F3: Lũy kế 316 người.

## **6. Công tác xét nghiệm**

### **6.1. Thực hiện xét nghiệm RT-PCR (Phụ lục 7, 8, 9)**

- **Tổng số thực hiện trong ngày: 4.809 mẫu (42.817 người). Trong đó:**
- + Có 4.780 mẫu âm tính (42.788 người).
- + Có 29 mẫu dương tính (04 ca mới, 25 ca cũ).

### **6.2. Thực hiện xét nghiệm các khu phong tỏa (phụ lục 10)**

Lũy kế trong các khu phong tỏa và cộng đồng có liên quan đã lấy được 17.325 mẫu (trong đó có 42 mẫu dương tính) với 144.504 người (trong đó có 42 người dương tính).

### **6.3. Thực hiện test nhanh (phụ lục 9)**

Xét nghiệm test nhanh 57.107 mẫu (200.855 người), có **01 mẫu dương tính** tại huyện Huyện Trần Văn Thời (đang chờ kết quả RT-PCR). Lũy kế thực hiện được 409.295 mẫu (1.096.930 người). Trong đó thực hiện test nhanh sàng lọc cộng đồng trong ngày: 53.288 mẫu cho 194.991 người (số liệu của 05 địa phương: Tp Cà Mau, Thới Bình, Trần Văn Thời, Cái Nước, Phú Tân). Lũy kế 141.371 mẫu cho 531.533 người.

## **7. Tổng hợp kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 (phụ lục 12):**

### **\* Đợt 11/2021:**

- Số tiêm 1.769 người, lũy kế 23.340 người (Bộ Y tế phân bổ 20.000 liều).
- Mũi 1: 1.275 người, lũy kế 4.195 người.
- Mũi 2: 494 người, lũy kế 19.145 người.
- Phản ứng nhẹ: 00 người, lũy kế 20 người.
- Phản ứng nặng: 00 người, lũy kế 01 người.

### **\* Đợt 13/2021: Kết thúc**

- Số tiêm 1.432 lũy kế 1.432 người (Bộ Y tế phân bổ 20.000 liều).
- Mũi 1: 1.393 người, lũy kế 1.393 người.
- Mũi 2: 39 người, lũy kế 39 người.
- Phản ứng nhẹ: Mới 00 người, lũy kế 00 người.
- Phản ứng nặng: Mới 00 người, lũy kế 00 người.

## **8. Hoạt động giám sát tại các Chốt kiểm tra y tế (Phụ lục 2, 3)**

### **8.1 Các chốt giao thông đường bộ: 1.548 người**

- Đối tượng cách ly tại nhà: 11
- Đối tượng cách ly tập trung: 41
- Người ngoài tỉnh được phép vào Cà Mau làm việc: 05
- Người theo xe: 23
- Người phụ xe: 318
- Tài xế buộc quay đầu xe: 12
- Tài xế xe 4-7 chỗ: 03
- Tài xế xe từ 16 chỗ: 02
- Tài xế xe máy: CLTT, CLTN
- Tài xế mượn đường đi Kiên Giang: 13
- Tài xế mượn đường đi Bạc Liêu: 05
- Tài xế giao hàng xong quay đầu xe về: 726
- Tài xế cách ly tại cơ sở cách ly tạm thời: 389

**\* Tổng số xe qua chốt đường bộ của tỉnh: 1.170 lượt xe.** Trong đó:

- Số lượng xe ô tô gia đình 4-7 chỗ: 14
- Số lượng xe từ 16 chỗ: 06
- Xe gắn máy: 16
- Số lượng xe tải: 1.134 (bao gồm xe mượn đường đi Kiên Giang, Bạc Liêu).

**8.2 Chốt đường thủy:** (Chốt số 01 sông Phụng Hiệp, Ấp 1, Tân Lộc Đông; Chốt 2 - Sông Trẹm, ấp Thanh Tùng, Biển Bạch; Chốt 3, Sông Chắc Bàng Ấp 6, Trí Phải).

- Kiểm tra đầu vào: 64 phương tiện (30 sà lan, 34 ghe), 158 lượt người.

- Kiểm tra đầu ra: 95 phương tiện (61 sà lan, 34 ghe), 254 lượt người.

**8.3. Đối với chốt tại các cửa biển (Do Biên phòng tỉnh cung cấp)**

- Tổng số phương tiện vào: 225; lượt người: 775
- Tổng số người cách ly tập trung: 00
- Tổng số người cách ly tại phương tiện: 00
- Khác (nêu cụ thể): Không
- Tổng số phương tiện ra: 395; lượt người: 1.813

**8.4. Kết quả kiểm tra các bến bãi lên xuống hàng hóa**

- Trên địa bàn tỉnh có 143 bến, bãi và điểm lên xuống hàng hóa; bố trí 139 khu cách ly tạm thời cho tài xế; 04 bến bãi chưa bố trí khu cách ly tạm thời (Năm Căn 02: <sup>(1)</sup> Chợ cũ Năm Căn, <sup>(2)</sup> Chợ Nông sản thực phẩm Năm Căn; Phú

Tân 02: <sup>(1)</sup> Bến quay đầu xe xã Nguyễn Việt Khái, <sup>(2)</sup> Bãi đất trống trước UBND xã Tân Hải).

- Trong ngày, có 1.317 lượt xe tải vận chuyển hàng hóa đến địa bàn, 1.317 lượt tải xế, 479 lượt phụ xế; 06 lượt ghe, 06 lượt tải công, 04 lượt người đi cùng (Cái Nước); 01 lượt nghe, 01 lượt tải công; 01 lượt sà lan, 01 lượt thuyền trưởng, 03 người đi cùng (U Minh).

Trong đó, 38 lượt xe tải, 38 lượt tải xế, 04 lượt phụ xế ở lại các khu cách ly tạm thời; 01 lượt ghe, 01 lượt tải công; 01 lượt sà lan, 01 lượt thuyền trưởng, 03 người đi cùng cách ly tạm thời trên phương tiện thủy. Tất cả các điều đủ điều kiện tiếp tục vận chuyển hàng hóa.

**9. Người ngoài tỉnh về địa phương lưu trú: 104 người (Phụ lục 1,5)**

## **10. Các Sở, Ban, Ngành**

### **10.1. Công an tỉnh**

Tăng cường công tác tuần tra kiểm soát, phát hiện 82 trường hợp vi phạm hành chính với số tiền xử phạt là 157 triệu đồng. Từ ngày 19/7/2021 đến nay có 6.110 trường hợp vi phạm hành chính với số tiền xử phạt là 15.373 triệu đồng (Phụ lục 11).

### **10.2. Sở Giao thông vận tải**

Tình hình hoạt động tại các điểm lên, xuống hàng hóa tập trung, các bến xe tàu (do Sở GTVT quản lý), ổn định; thường xuyên theo dõi, kiểm tra và tuyên truyền, nhắc nhở chủ hàng hóa, các lái xe chấp hành nghiêm quy định về phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Tiếp tục duy trì lực lượng Thanh tra Sở Giao thông vận tải phối hợp với các lực lượng chức năng thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát phương tiện vận chuyển hàng hóa ra, vào địa tỉnh tại các chốt kiểm soát dịch bệnh Covid-19.

### **10.3. Đài Phát thanh - Truyền hình**

Thông tin, số liệu cập nhật phải được phân tích, tổng hợp chính xác. Tăng thời lượng, nội dung về dịch Covid-19 trong các chương trình trên sóng Phát thanh, Truyền hình và Trang Thông tin điện tử của Đài

### **10.4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Các đơn vị thực hiện test nhanh cho công chức, viên chức, người lao động định kỳ 03 ngày/lần.

### **10.5. Báo Cà Mau**

Trong ngày, Báo Cà Mau đã đăng tải được tin, bài và ảnh về công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên báo in và báo điện tử.

### **10.6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

100% công chức, viên chức, người lao động của đơn vị đều thực nghiêm các quy định về phòng, chống dịch Covid-19 của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

### 10.7. Ban Quản lý Khu kinh tế

Thực hiện nghiêm, hiệu quả Quyết định số 1731/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo Chỉ thị số 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tiếp tục bố trí, tạo điều kiện thuận lợi cho công chức, viên chức, người lao động làm việc luân phiên tại cơ quan đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; thường xuyên cập nhật và kịp thời triển khai thực hiện các văn bản, ý kiến chỉ đạo của cấp trên về công tác phòng, chống dịch Covid-19.

Các doanh nghiệp có ý thức cảnh giác cao và chấp hành nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19; tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh theo phương án, kế hoạch và các điều kiện đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh Covid-19 được cấp thẩm quyền phê duyệt.

### 11. Thông tin, tuyên truyền

Sở Thông tin và Truyền thông phát hành Công văn chỉ đạo, hướng dẫn, cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí, hệ thống truyền thanh cơ sở, các cơ quan đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh và Ban Chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 tỉnh, cụ thể:

Báo cáo số 25/BC-SCH ngày 23/9/2021 của Sở chỉ huy về việc phòng, chống dịch bệnh Covid-19 ngày 23/9/2021.

Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch Triển khai mô hình Trạm Y tế lưu động trong bối cảnh dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

#### 11.3. Rà soát phát hiện tin giả, tin sai sự thật: Chưa phát hiện

### 12. Vật tư, trang thiết bị y tế (phụ lục 14)

Sở Y tế tỉnh Cà Mau - Thành viên Sở Chỉ huy báo cáo đến Bộ Y tế, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau./.

#### Nơi nhận:

- Bộ Y tế (báo cáo);
- Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Vụ Khoa giáo VP Chính phủ (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo tỉnh (báo cáo);
- Ban Dân Vận tỉnh (báo cáo);
- Đoàn ĐBQH tỉnh Cà Mau (báo cáo);
- Các thành viên BCĐ;
- Lưu: VT, NVY (T).

#### THÀNH VIÊN SỞ CHỈ HUY



**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ**  
**Nguyễn Văn Dũng**

**Tổng hợp người ngoài tỉnh về Cà Mau lưu trú, phân theo tỉnh**

(tính đến trong ngày từ 12h00 ngày 24/9/2021 đến 12h00 ngày 25/9/2021)

| Tên tỉnh         | 25/09/2021 |
|------------------|------------|
| Bạc Liêu         | 20         |
| Bến Tre          | 1          |
| Bình Dương       | 10         |
| Bình Phước       | 1          |
| Cần Thơ          | 5          |
| Đồng Nai         | 13         |
| Đồng Tháp        | 2          |
| HCM              | 16         |
| Kiên Giang       | 10         |
| Long An          | 5          |
| Ninh Thuận       | 1          |
| Sóc Trăng        | 3          |
| Tây Ninh         | 2          |
| Tiền Giang       | 2          |
| Trà Vinh         | 10         |
| Vĩnh Long        | 2          |
| Vũng Tàu         | 1          |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>104</b> |

**Ghi chú: 104** người ngoài tỉnh về địa phương lưu trú gồm:

- Cách ly tại nhà: 41 người, cụ thể:

+ 11 người từ các chốt tỉnh.

+ 25 người từ các chốt huyện, bến phà nhỏ.

- 05 người ngoài tỉnh được phép vào Cà Mau làm việc

- Tài xế, phụ xế cách ly tạm thời (có quyết định cách ly của địa phương): 63 người.



**Phụ lục 2**

**Thống kê số lượt người về tỉnh Cà Mau tại các chốt đường bộ**  
(Số liệu trong ngày từ 12h00 ngày 24/9/2021 đến 12h00 ngày 25/9/2021)

| Chốt            |     | Phương tiện ngoài tỉnh |        |           |       | Người  |         |      |      |      |      |      |          | Cách ly TT | Tại nhà | CL TCS |
|-----------------|-----|------------------------|--------|-----------|-------|--------|---------|------|------|------|------|------|----------|------------|---------|--------|
|                 |     | Tổng                   | Ô tô   |           | Mô tô | Tổng   | 06 tỉnh |      |      |      |      |      | Các tỉnh |            |         |        |
|                 |     |                        | Tải    | Chở người |       |        | HCM     | BD   | ĐN   | TG   | LA   | ĐT   |          |            |         |        |
| (1)             |     | (2)                    | (3)    | (4)       | (5)   | (6)    | (7)     | (8)  | (9)  | (10) | (11) | (12) | (13)     | (14)       | (15)    | (16)   |
| QLPH            | Vào | 488                    | 458    | 16        | 14    | 642    | 115     | 33   | 24   | 31   | 42   | 11   | 386      | 36         | 11      | 159    |
|                 | Ra  | 492                    | 488    | 4         |       | 572    | 108     | 32   | 12   | 12   | 30   | 12   | 366      |            |         |        |
| QL1A            | Vào | 523                    | 521    | 1         | 1     | 703    | 41      | 30   | 12   | 5    | 12   | 2    | 601      | 5          |         | 175    |
|                 | Ra  | 642                    | 642    |           |       | 821    | 37      | 21   | 12   | 3    | 18   | 3    | 727      |            |         |        |
| QL63            | Vào | 1                      | 0      |           | 1     | 1      |         |      |      |      |      |      | 1        |            |         |        |
|                 | Ra  |                        | 0      |           |       |        |         |      |      |      |      |      | 0        |            |         |        |
| Xuyên Á         | Vào | 158                    | 155    | 3         |       | 202    | 5       | 1    | 4    | 1    |      | 7    | 184      |            |         | 55     |
|                 | Ra  |                        |        |           |       |        |         |      |      |      |      |      |          |            |         |        |
| Tổng vào        |     | 1170                   | 1134   | 20        | 16    | 1548   | 161     | 64   | 40   | 37   | 54   | 20   | 1172     | 41         | 11      | 389    |
| Tổng ra         |     | 1134                   | 1130   | 4         | 0     | 1393   | 145     | 53   | 24   | 15   | 48   | 15   | 1093     | 0          | 0       | 0      |
| Tổng trong ngày |     | 2304                   | 2264   | 24        | 16    | 2941   | 306     | 117  | 64   | 52   | 102  | 35   | 2265     | 41         | 11      | 389    |
| Lũy kế từ 19/7  |     | 112843                 | 104330 | 2120      | 6393  | 166382 | 11879   | 4916 | 4280 | 2964 | 3909 | 2736 | 135698   | 1594       | 2377    | 8159   |



**Phụ lục 3**

**Thống kê số lượt người về tỉnh Cà Mau tại các chốt đường thủy**  
(Số liệu trong ngày từ 12h00 ngày 25/9/2021 đến 12h00 ngày 26/9/2021)

| Chốt                 |     | Phương tiện |        |            |      |      |            |      |           | Người |        |      |      |      |      |      |           | CL TT | Tại nhà | TD SK |
|----------------------|-----|-------------|--------|------------|------|------|------------|------|-----------|-------|--------|------|------|------|------|------|-----------|-------|---------|-------|
|                      |     | Tổng        | Sà lan |            |      | Ghe  |            |      | Chở người | Tổng  | 6 tỉnh |      |      |      |      |      | Tỉnh khác |       |         |       |
|                      |     |             | VLXD   | Lương thực | Khác | VLXD | Lương thực | Khác |           |       | HCM    | BD   | ĐN   | TG   | LA   | ĐT   |           |       |         |       |
| (1)                  | (2) | (3)         | (4)    | (5)        | (6)  | (7)  | (8)        | (9)  | (10)      | (11)  | (12)   | (13) | (14) | (15) | (16) | (17) | (18)      | (19)  | (20)    | (21)  |
| Sông Trẹm            | Vào | 15          | 4      | -          | 1    | 6    | -          | 4    | -         | 29    | -      | -    | -    | -    | -    | -    | 29        | -     | -       | -     |
|                      | Ra  | 29          | -      | -          | 11   | 9    | 1          | 8    | -         | 69    | 2      | -    | -    | -    | -    | 1    | 66        | -     | -       | -     |
| Kinh xáng Phụng Hiệp | Vào | 27          | 14     | -          | -    | 2    | 3          | 8    | -         | 72    | -      | -    | -    | -    | -    | -    | 72        | -     | -       | -     |
|                      | Ra  | 22          | -      | -          | 8    | 8    | 2          | 4    | -         | 56    | -      | -    | -    | -    | -    | -    | 56        | -     | -       | -     |
| Kinh xáng Chắc Băng  | Vào | 22          | 9      | -          | 2    | -    | 3          | 8    | -         | 57    | -      | -    | -    | -    | -    | 2    | 55        | -     | -       | -     |
|                      | Ra  | 44          | -      | -          | 42   | -    | 1          | 1    | -         | 129   | -      | -    | -    | -    | -    | 14   | 115       | -     | -       | -     |
| Tổng vào             |     | 64          | 27     | -          | 3    | 8    | 6          | 20   | -         | 158   | -      | -    | -    | -    | -    | 2    | 156       | -     | -       | -     |
| Tổng ra              |     | 95          | -      | -          | 61   | 17   | 4          | 13   | -         | 254   | 2      | -    | -    | -    | -    | 15   | 237       | -     | -       | -     |
| Tổng trong ngày      |     | 159         | 27     | -          | 64   | 25   | 10         | 33   | -         | 412   | 2      | -    | -    | -    | -    | 17   | 393       | -     | -       | -     |
| Lũy kế từ 19/7/2021  |     | 9631        | 1263   | 109        | 4029 | 327  | 754        | 3149 | -         | 24621 | 187    | 22   | 42   | 304  | 140  | 611  | 23411     | 8     | 6       | -     |



## Phụ lục 4

Bảng thống kê tại các khu đang thực hiện cách ly tập trung đến 12 giờ ngày 24/9/2021

| TT | Khu cách ly                    | Dự kiến hoàn thành |          |           | HT trong ngày | Chuyển BV | Mới vào   | Hiện đang cách ly |            | Giường trống | Sức chứa KH |            |
|----|--------------------------------|--------------------|----------|-----------|---------------|-----------|-----------|-------------------|------------|--------------|-------------|------------|
|    |                                | 26/9               | 27/9     | 28/9      |               |           |           | Số người          | Số phòng   |              | Số người    | Số phòng   |
| 1  | Trung đoàn Bộ binh 896         | 0                  | 0        | 0         | 0             | 0         | 0         | 29                | 10         | 89           | 120         | 24         |
| 2  | Nguyễn Việt Khái               | 0                  | 0        | 0         | 0             | 0         | 0         | 72                |            | 229          | 240         |            |
| 3  | Trường Chính trị tỉnh Cà Mau   | 2                  | 0        | 0         | 0             | 4         | 27        | 136               | 50         | 118          | 250         | 112        |
| 4  | Trường CDCĐ tỉnh Cà Mau        | 0                  | 0        | 0         | 0             | 0         | 0         | 4                 | 2          | 196          | 200         | 30         |
| 5  | Cao Đẳng Y tế                  | 2                  | 0        | 0         | 2             | 0         | 0         | 26                | 14         | 74           | 100         | 28         |
| 6  | TT Giáo dục thường xuyên       | 5                  | 0        | 0         | 17            | 0         | 0         | 11                | 10         | 124          | 150         | 42         |
| 7  | Cao Đẳng Việt Hàn              | 0                  | 0        | 0         | 3             | 0         | 0         | 0                 | 0          | 140          | 140         | 20         |
| 8  | Cách ly các Khách sạn          | 4                  | 0        | 0         | 1             | 0         | 15        | 24                |            | 222          | 231         |            |
| 9  | TTGDNN Thới Bình               | 0                  | 0        | 3         | 6             | 0         | 1         | 48                | 17         | 102          | 150         | 30         |
| 10 | Ban Chỉ huy Quân sự huyện TB   | 0                  | 4        | 2         | 0             | 0         | 0         | 13                | 6          | 17           | 30          | 10         |
| 11 | Trung tâm Chính trị huyện TB   | 0                  | 0        | 0         | 0             | 0         | 0         | 0                 | 0          | 50           | 50          | 12         |
| 12 | TT Dạy Nghề U Minh             | 0                  | 0        | 0         | 0             | 0         | 0         | 0                 | 0          | 85           | 85          |            |
| 13 | Trung tâm GDNN UM              | 0                  | 0        | 0         | 0             | 0         | 0         | 2                 | 1          | 103          | 105         | 20         |
| 14 | Nhà Thiếu nhi huyện TVT        | 0                  | 0        | 0         | 0             | 0         | 0         | 7                 | 4          | 34           | 50          | 8          |
| 15 | Ban Chỉ huy quân sự huyện TVT  | 7                  | 0        | 1         | 0             | 0         | 0         | 8                 | 3          | 41           | 50          | 14         |
| 16 | Trung tâm GDNN Cái Nước        | 0                  | 0        | 0         | 0             | 0         | 0         | 1                 | 1          | 49           | 86          | 16         |
| 17 | TT Bồi dưỡng chính trị Phú Tân | 0                  | 0        | 0         | 0             | 0         | 0         | 3                 | 3          | 67           | 70          | 11         |
| 18 | BHQS huyện Đầm Dơi             | 0                  | 2        | 1         | 0             | 0         | 0         | 28                | 9          | 27           | 55          | 27         |
| 19 | TTGDNN Đầm Dơi                 | 0                  | 0        | 0         | 0             | 0         | 0         | 0                 | 0          | 40           | 40          | 10         |
| 20 | TT Chính trị huyện Ngọc Hiển   | 1                  | 0        | 0         | 0             | 0         | 0         | 1                 | 1          | 46           | 47          | 11         |
| 21 | TT GDN N huyện Ngọc Hiển       | 0                  | 0        | 0         | 0             | 0         | 0         | 0                 | 0          | 48           | 48          | 9          |
| 22 | TTGD Năm Căn                   | 0                  | 0        | 0         | 0             | 0         | 0         | 0                 | 0          | 47           | 47          |            |
| 23 | TT Chính trị huyện Năm Căn     | 0                  | 1        | 3         | 3             | 0         | 0         | 17                | 14         | 30           | 50          | 16         |
|    | <b>TỔNG</b>                    | <b>21</b>          | <b>7</b> | <b>10</b> | <b>32</b>     | <b>4</b>  | <b>43</b> | <b>430</b>        | <b>145</b> | <b>1978</b>  | <b>2394</b> | <b>450</b> |



**Phụ lục 5**

**Tổng hợp số lượng người từ ngoài tỉnh về Cà Mau được quản lý, tính từ ngày 01/6/2021 đến nay**

| Stt       | Đơn vị      | Số lượng người từ ngoài tỉnh về Cà Mau |            |           |      |        |            |           |        | Qua 14 ngày |            |           |        | Hiện còn quản lý |            |           |       |
|-----------|-------------|----------------------------------------|------------|-----------|------|--------|------------|-----------|--------|-------------|------------|-----------|--------|------------------|------------|-----------|-------|
|           |             | Mới trong ngày                         |            |           |      | Lũy kế |            |           |        |             |            |           |        |                  |            |           |       |
|           |             | TP HCM                                 | Bình Dương | Tỉnh khác | Tổng | TP HCM | Bình Dương | Tỉnh khác | Tổng   | TP HCM      | Bình Dương | Tỉnh khác | Tổng   | TP HCM           | Bình Dương | Tỉnh khác | Tổng  |
| 1         | Tp Cà Mau   | 18                                     | 1          | 70        | 89   | 2.097  | 617        | 10.774    | 13.488 | 1.889       | 572        | 9.710     | 12.061 | 208              | 45         | 1.064     | 1.427 |
| 2         | Thới Bình   | 0                                      | 0          | 2         | 2    | 853    | 437        | 3.698     | 4.988  | 850         | 431        | 3.496     | 4.717  | 3                | 6          | 202       | 271   |
| 3         | U Minh      | 0                                      | 0          | 0         | 0    | 511    | 295        | 2.845     | 3.651  | 506         | 281        | 2.843     | 3.655  | 5                | 14         | 2         | -4    |
| 4         | Trần V Thời | 9                                      | 3          | 8         | 20   | 820    | 428        | 5.465     | 6.713  | 785         | 420        | 5.216     | 6.369  | 35               | 8          | 249       | 349   |
| 5         | Cái Nước    | 0                                      | 3          | 6         | 9    | 839    | 362        | 4.915     | 6.116  | 829         | 356        | 4.711     | 5.907  | 10               | 6          | 204       | 209   |
| 6         | Phú Tân     | 6                                      | 2          | 1         | 9    | 585    | 324        | 4.132     | 5.041  | 568         | 322        | 3.902     | 4.736  | 17               | 2          | 230       | 305   |
| 7         | Đầm Dơi     | 0                                      | 0          | 0         | 0    | 1.222  | 777        | 10.125    | 12.124 | 1.200       | 739        | 9.813     | 11.383 | 22               | 38         | 312       | 741   |
| 8         | Năm Căn     | 9                                      | 0          | 0         | 9    | 379    | 129        | 2.585     | 3.093  | 355         | 129        | 2.468     | 2.921  | 24               | 0          | 117       | 172   |
| 9         | Ngọc Hiển   | 4                                      | 0          | 4         | 8    | 478    | 201        | 3.091     | 3.770  | 460         | 199        | 2.975     | 3.602  | 18               | 2          | 116       | 168   |
| TỔNG CỘNG |             | 46                                     | 9          | 91        | 146  | 7.784  | 3.570      | 47.630    | 58.984 | 7.442       | 3.449      | 45.134    | 55.351 | 342              | 121        | 2.496     | 3.638 |

**Phụ lục 6**

**Số liệu cách ly tại nhà trên địa bàn tỉnh Cà Mau tính từ ngày 15/7/2021 đến nay**

| STT                   | Đơn vị      | Cách ly tại nhà |                |                       |              |               |
|-----------------------|-------------|-----------------|----------------|-----------------------|--------------|---------------|
|                       |             | Tổng số         | Trong đó       |                       |              |               |
|                       |             |                 | Mới trong ngày | Hoàn thành trong ngày | Đang cách ly | Đã hoàn thành |
| 1                     | Tp Cà Mau   | 7.527           | 191            | 91                    | 1.297        | 6.230         |
| 2                     | Thới Bình   | 2.226           | 34             | 6                     | 375          | 1.851         |
| 3                     | U Minh      | 1.476           | 6              | 36                    | 137          | 1.339         |
| 4                     | Trần V Thời | 2.147           | 84             | 24                    | 440          | 1.707         |
| 5                     | Cái Nước    | 1.281           | 26             | 8                     | 202          | 1.079         |
| 6                     | Phú Tân     | 646             | 9              | 2                     | 64           | 582           |
| 7                     | Đầm Dơi     | 1.927           | 22             | 14                    | 440          | 1.487         |
| 8                     | Năm Căn     | 428             | 18             | 2                     | 49           | 379           |
| 9                     | Ngọc Hiển   | 610             | 0              | 0                     | 108          | 502           |
| <b>Tổng toàn tỉnh</b> |             | <b>18.268</b>   | <b>390</b>     | <b>183</b>            | <b>3.112</b> | <b>15.156</b> |



**Phụ lục 7**  
**Kết quả xét nghiệm RT-PCR phân theo đơn vị (trong ngày 25/9/2021)**

| TT | ĐƠN VỊ             | LOẠI MẪU   |              | Tổng số mẫu  | Số người XN mẫu đơn | Số người XN mẫu gộp | Số người XN   | Kết quả âm tính |                   |              |                 |               |          |                             |                           |                    |                    | Kết quả dương tính |
|----|--------------------|------------|--------------|--------------|---------------------|---------------------|---------------|-----------------|-------------------|--------------|-----------------|---------------|----------|-----------------------------|---------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
|    |                    | Đơn        | Gộp          |              |                     |                     |               | F1              | Cách ly tập trung | F2           | Cách ly tại nhà | Khu phong tỏa | F0       | Sàng lọc tại cơ sở điều trị | Người tham gia chống dịch | Sàng lọc cộng đồng | Nhà máy, xí nghiệp |                    |
| 1  | TTYT TP. CÀ MAU    | 39         | 2547         | 2.586        | 39                  | 23.691              | 23.730        | 12              |                   | 570          | 20              | 219           |          |                             | 50                        | 22.859             |                    |                    |
| 2  | TTYT THỚI BÌNH     | 4          | 7            | 11           | 4                   | 57                  | 61            | 1               | 3                 | 57           |                 |               |          |                             |                           |                    |                    |                    |
| 3  | TTYT TRẦN VĂN THỜI | 6          | 1278         | 1.284        | 6                   | 12.390              | 12.396        | 9               |                   | 119          | 5               |               |          |                             |                           | 12.263             |                    |                    |
| 4  | TTYT CÁI NƯỚC      | 36         | 74           | 110          | 36                  | 631                 | 667           | 1               | 1                 | 70           | 42              |               |          |                             |                           | 553                |                    |                    |
| 5  | TTYT ĐÀM DỐI       | 33         | 188          | 221          | 33                  | 1.714               | 1.747         | 5               | 6                 | 366          | 22              |               |          |                             | 6                         | 1.342              |                    |                    |
| 6  | TTYT NĂM CĂN       | 8          | 3            | 11           | 8                   | 18                  | 26            |                 | 3                 |              | 18              |               |          |                             |                           | 5                  |                    |                    |
| 7  | TTYT NGỌC HIỂN     |            |              | 0            | 0                   | 0                   | 0             |                 |                   |              |                 |               |          |                             |                           |                    |                    |                    |
| 8  | TTTTY PHÚ TÂN      |            |              | 0            | 0                   | 0                   | 0             |                 |                   |              |                 |               |          |                             |                           |                    |                    |                    |
| 9  | TTYT U MINH        | 12         | 14           | 26           | 12                  | 117                 | 129           | 1               |                   | 95           | 27              |               |          |                             | 6                         |                    |                    |                    |
| 10 | CDC                | 4          | 33           | 37           | 4                   | 306                 | 310           |                 |                   |              |                 |               |          |                             | 15                        | 110                | 185                |                    |
| 11 | KCL CĐYT           | 2          |              | 2            | 2                   | 0                   | 2             | 2               |                   |              |                 |               |          |                             |                           |                    |                    |                    |
| 12 | KCL TRƯỜNG CT      | 17         |              | 17           | 17                  | 0                   | 17            | 2               | 11                |              |                 |               |          |                             |                           |                    |                    | 4                  |
| 13 | KS 43 HÙNG VƯƠNG   | 1          |              | 1            | 1                   | 0                   | 1             | 1               |                   |              |                 |               |          |                             |                           |                    |                    |                    |
| 14 | KS SONG ANH        | 1          |              | 1            | 1                   | 0                   | 1             | 1               |                   |              |                 |               |          |                             |                           |                    |                    |                    |
| 15 | KCL TT GDTX        | 17         |              | 17           | 17                  | 0                   | 17            |                 | 17                |              |                 |               |          |                             |                           |                    |                    |                    |
| 16 | KS MIỀN TÂY        | 2          |              | 2            | 2                   | 0                   | 2             | 2               |                   |              |                 |               |          |                             |                           |                    |                    |                    |
| 17 | KCL NGUYỄN V KHÁI  | 51         |              | 51           | 51                  | 0                   | 51            |                 | 51                |              |                 |               |          |                             |                           |                    |                    |                    |
| 18 | KCL THANH NHÀN     | 1          |              | 1            | 1                   | 0                   | 1             | 1               |                   |              |                 |               |          |                             |                           |                    |                    |                    |
| 19 | BVĐK CÀ MAU        | 3          | 178          | 181          | 3                   | 1.620               | 1.623         |                 |                   |              |                 |               |          | 1.622                       |                           |                    |                    | 1                  |
| 20 | BV SÂN NHI         | 0          | 86           | 86           | 0                   | 789                 | 789           |                 |                   |              |                 |               |          | 789                         |                           |                    |                    |                    |
| 21 | BVĐK CÁI NƯỚC      | 0          | 102          | 102          | 0                   | 942                 | 942           |                 |                   |              |                 |               |          | 942                         |                           |                    |                    |                    |
| 22 | BVĐK ĐÀM DỐI       |            |              | 0            | 0                   | 0                   | 0             |                 |                   |              |                 |               |          |                             |                           |                    |                    |                    |
| 23 | BVĐK TP. CÀ MAU    | 0          | 17           | 17           | 0                   | 158                 | 158           |                 |                   |              |                 |               |          | 158                         |                           |                    |                    |                    |
| 24 | BV QUÂN DÂN Y      | 0          | 9            | 9            | 0                   | 85                  | 85            |                 |                   |              |                 |               |          | 85                          |                           |                    |                    |                    |
| 25 | BV CÔNG AN         | 0          | 3            | 3            | 0                   | 29                  | 29            |                 |                   |              |                 |               |          | 29                          |                           |                    |                    |                    |
| 26 | BV Y Học Cổ Truyền | 33         | 0            | 33           | 33                  | 0                   | 33            |                 |                   |              |                 |               | 9        |                             |                           |                    |                    | 24                 |
|    | <b>Tổng :</b>      | <b>270</b> | <b>4.539</b> | <b>4.809</b> | <b>270</b>          | <b>42.547</b>       | <b>42.817</b> | <b>38</b>       | <b>92</b>         | <b>1.277</b> | <b>134</b>      | <b>219</b>    | <b>9</b> | <b>3.625</b>                | <b>77</b>                 | <b>37.132</b>      | <b>185</b>         | <b>29</b>          |



**Phụ lục 8**  
**Kết quả xét nghiệm RT-PCR phân theo nhóm đối tượng (trong ngày 25/9/2021)**

| TT | Phân loại                           | Trong ngày |              |              |                     |                     |               | Số mẫu có kết quả |            | Chưa có kết quả |
|----|-------------------------------------|------------|--------------|--------------|---------------------|---------------------|---------------|-------------------|------------|-----------------|
|    |                                     | Số mẫu đơn | Số mẫu gộp   | Tổng số mẫu  | Số người XN mẫu đơn | Số người XN mẫu gộp | Tổng số người | Âm tính           | Dương tính |                 |
| 1  | F0                                  | 34         | 0            | 34           | 34                  | 0                   | 34            | 9                 | 25         |                 |
| 2  | F1                                  | 32         | 3            | 35           | 32                  | 10                  | 42            | 31                | 4          |                 |
| 3  | Cách ly tập trung                   | 92         |              | 92           | 92                  | 0                   | 92            | 92                |            |                 |
| 4  | Nhập cảnh                           |            |              | 0            | 0                   | 0                   |               | 0                 |            |                 |
| 5  | F2                                  | 13         | 221          | 234          | 13                  | 1264                | 1277          | 234               |            |                 |
| 6  | Cách ly tại nhà                     | 45         | 21           | 66           | 45                  | 89                  | 134           | 66                |            |                 |
| 7  | Khu phong tỏa                       | 13         | 79           | 92           | 13                  | 206                 | 219           | 92                |            |                 |
| 8  | Tham gia chống dịch                 | 6          | 10           | 16           | 6                   | 71                  | 77            | 16                |            |                 |
| 9  | Sàng lọc tại CS KCB                 | 2          | 395          | 397          | 2                   | 3623                | 3.625         | 397               | 0          | 0               |
| 10 | Sàng lọc CD (Nhà máy, xí nghiệp...) |            | 19           | 19           | 0                   | 185                 | 185           | 19                |            |                 |
| 11 | Sàng lọc CD                         | 33         | 3791         | 3824         | 33                  | 37099               | 37132         | 3.824             |            |                 |
|    | <b>Tổng</b>                         | <b>270</b> | <b>4.539</b> | <b>4.809</b> | <b>270</b>          | <b>42.547</b>       | <b>42.817</b> | <b>4.780</b>      | <b>29</b>  | <b>0</b>        |

**Phụ lục 9**  
**Thống kê xét nghiệm PCR và test nhanh theo địa bàn huyện, thành phố (trong ngày 25/9/2021)**

| TT | Địa bàn           | Xét nghiệm PCR |               |                     |                  |                 | Test nhanh     |                     |                    |                 |
|----|-------------------|----------------|---------------|---------------------|------------------|-----------------|----------------|---------------------|--------------------|-----------------|
|    |                   | Số mẫu         | Số người      | Số người Dương tính | Số người Âm tính | Chưa có kết quả | Số lượng (mẫu) | Số người xét nghiệm | Dương tính (người) | Âm tính (người) |
| 1  | Thành phố Cà Mau  | 3.044          | 26.849        | 29                  | 26.820           | 0               | 5.678          | 14.555              | 0                  | 14.555          |
| 2  | Huyện Thới Bình   | 11             | 61            | 0                   | 61               | 0               | 14.448         | 59.535              | 0                  | 59.535          |
| 3  | Huyện U Minh      | 26             | 129           | 0                   | 129              | 0               | 44             | 129                 | 0                  | 129             |
| 4  | Huyện Trần V Thời | 1.284          | 12.396        | 0                   | 12.396           | 0               | 567            | 1.469               | 1                  | 1.468           |
| 5  | Huyện Cái Nước    | 212            | 1.609         | 0                   | 1.609            | 0               | 21.497         | 74.349              | 0                  | 74.349          |
| 6  | Huyện Phú Tân     | 0              | 0             | 0                   | 0                | 0               | 14.601         | 50.485              | 0                  | 50.485          |
| 7  | Huyện Đầm Dơi     | 221            | 1.747         | 0                   | 1.747            | 0               | 96             | 96                  | 0                  | 96              |
| 8  | Huyện Năm Căn     | 11             | 26            | 0                   | 26               | 0               | 140            | 140                 | 0                  | 140             |
| 9  | Huyện Ngọc Hiển   | 0              | 0             | 0                   | 0                | 0               | 36             | 97                  | 0                  | 97              |
|    | <b>TỔNG</b>       | <b>4.809</b>   | <b>42.817</b> | <b>29</b>           | <b>42.788</b>    | <b>0</b>        | <b>57.107</b>  | <b>200.855</b>      | <b>1</b>           | <b>200.854</b>  |



## Phụ lục 10

**Tổng hợp kết quả lấy mẫu các khu đang phong tỏa trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

| Lấy mẫu xét nghiệm PCR các khu vực đang phong tỏa trên địa bàn tỉnh Cà Mau |                                                       | Số mẫu        |               |            | số người       |                |            |
|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------|---------------|------------|----------------|----------------|------------|
|                                                                            |                                                       | Tổng          | âm tính       | dương tính | Tổng           | âm tính        | dương tính |
| <b>Ngọc Chánh + Thanh Tùng, Đầm Dơi</b>                                    | Lấy mẫu 08 lần (từ ngày 20/8/2021 đến 23/9/2021)      | 1.271         | 1.271         | 0          | 11.825         | 11.825         | 0          |
| <b>phường 6, Thành phố Cà Mau</b>                                          | Lấy mẫu 06 lần và đã gỡ phong tỏa ngày 17/9/2021      | 1.031         | 1.028         | 3          | 7.123          | 7.120          | 3          |
| <b>Phường Tân Xuyên + cty Thành Tâm</b>                                    | Lấy mẫu 09 lần (từ ngày 22/8/2021 đến 24/9/2021)      | 751           | 747           | 3          | 5.298          | 5.295          | 3          |
| <b>ấp Bào Nhàn, xã Hồ Thị Kỷ, Thới Bình</b>                                | Lấy mẫu 05 lần và đã gỡ phong tỏa ngày 06/9/2021      | 323           | 323           | 0          | 2.991          | 2.991          | 0          |
| <b>phường 4, Tp Cà Mau</b>                                                 | Lấy mẫu 07 lần (từ ngày 24/8/2021 đến 24/9/2021)      | 672           | 648           | 24         | 3.023          | 2.999          | 24         |
| <b>phường 8, Tp Cà Mau</b>                                                 | Lấy mẫu 03 lần (từ 25/8/2021 đến 10/9/2021)           | 170           | 170           | 0          | 1.427          | 1.427          | 0          |
| <b>BVĐK Hoàn Mỹ</b>                                                        | Lấy mẫu 02 lần và đã gỡ phong tỏa ngày 10/9/2021      | 48            | 48            | 0          | 482            | 482            | 0          |
| <b>Phường 1, Tp Cà Mau</b>                                                 | Lấy mẫu 06 lần (từ ngày 26/8/2021 đến 24/9/2021)      | 389           | 387           | 2          | 2.563          | 2.561          | 2          |
| <b>Phường 5, Tp Cà Mau</b>                                                 | Lấy mẫu 03 lần (từ 2-11/9/2021)                       | 231           | 231           | 0          | 1.914          | 1.914          | 0          |
| <b>Phường 9, Tp Cà Mau</b>                                                 | Lấy mẫu 03 lần (từ ngày 01-13/9/2021)                 | 821           | 821           | 0          | 7.778          | 7.778          | 0          |
| <b>Chành xe Tỷ Phúc và phường 7, Tp Cà Mau</b>                             | Lấy mẫu 02 lần (ngày 07-12/9/2021)                    | 17            | 17            | 0          | 153            | 153            | 0          |
| <b>Rạch Gốc, Ngọc Hiển</b>                                                 | Lấy mẫu 02 lần ngày 6 và 19/9/2021                    | 24            | 24            | 0          | 234            | 234            | 0          |
| <b>Khánh Bình, Trần Văn Thời</b>                                           | Lấy mẫu 06 lần (từ ngày 07-22/9/2021)                 | 1.735         | 1.730         | 5          | 13.286         | 13.281         | 5          |
| <b>Đông Thới, Cái Nước</b>                                                 | Lấy mẫu 04 lần (từ ngày 14-23/9/2021)                 | 79            | 79            | 0          | 780            | 780            | 0          |
| <b>Hồ Thị Kỷ + Tân Lộc Bắc, Thới Bình</b>                                  | Lấy mẫu ngày 15-17/9/2021                             | 44            | 44            | 0          | 440            | 440            | 0          |
| <b>Cộng đồng liên quan trên địa bàn Tp Cà Mau</b>                          | Lấy mẫu 07 lần (từ ngày 13/8/2021 đến ngày 07/9/2021) | 7.979         | 7.976         | 3          | 68.955         | 68.952         | 3          |
| <b>Cộng đồng liên quan trên địa bàn Đầm Dơi</b>                            | Lấy mẫu 05 lần (từ ngày 25/8/2021 đến 14/9/2021)      | 1037          | 1035          | 2          | 9782           | 9780           | 2          |
| <b>CD liên quan trên địa bàn Trần Văn Thời</b>                             | Lấy mẫu từ ngày 07-14/9/2021                          | 703           | 703           | 0          | 6.450          | 6.450          | 0          |
| <b>Tổng các khu đang phong tỏa</b>                                         |                                                       | <b>7.606</b>  | <b>7.568</b>  | <b>37</b>  | <b>59.317</b>  | <b>74.528</b>  | <b>37</b>  |
| <b>Tổng cộng đồng liên quan</b>                                            |                                                       | <b>9.719</b>  | <b>9.714</b>  | <b>5</b>   | <b>85.187</b>  | <b>104.625</b> | <b>5</b>   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                           |                                                       | <b>17.325</b> | <b>17.282</b> | <b>42</b>  | <b>144.504</b> | <b>179.153</b> | <b>42</b>  |



**Phụ lục 11**  
**Xử phạt vi phạm hành chính trong công tác phòng chống dịch COVID-19**

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Đơn vị           | Không đeo khẩu trang |         | Không chấp hành các biện pháp phòng, chống dịch |         | Khai báo y tế không trung thực |         | Ra đường khi không thực sự cần thiết |         | Không giữ khoảng cách nơi công cộng |         | Tụ tập đông người |         | Thông tin sai sự thật |         | Tổng cộng     |         |
|------------------|----------------------|---------|-------------------------------------------------|---------|--------------------------------|---------|--------------------------------------|---------|-------------------------------------|---------|-------------------|---------|-----------------------|---------|---------------|---------|
|                  | Số trường hợp        | Số tiền | Số trường hợp                                   | Số tiền | Số trường hợp                  | Số tiền | Số trường hợp                        | Số tiền | Số trường hợp                       | Số tiền | Số trường hợp     | Số tiền | Số trường hợp         | Số tiền | Số trường hợp | Số tiền |
| TP Cà Mau        |                      |         |                                                 |         |                                |         | 23                                   | 46      |                                     |         |                   |         |                       |         | 23            | 46      |
| Thới Bình        |                      |         |                                                 |         |                                |         | 15                                   | 30      |                                     |         |                   |         |                       |         | 15            | 30      |
| U Minh           |                      |         |                                                 |         |                                |         |                                      |         |                                     |         |                   |         |                       |         | 0             | 0       |
| Trần Văn Thời    |                      |         |                                                 |         |                                |         |                                      |         |                                     |         |                   |         |                       |         | 0             | 0       |
| Cái Nước         |                      |         |                                                 |         |                                |         | 1                                    | 2       |                                     |         |                   |         |                       |         | 1             | 2       |
| Phước Tân        |                      |         |                                                 |         |                                |         | 39                                   | 72      |                                     |         |                   |         |                       |         | 39            | 72      |
| Đầm Dơi          |                      |         |                                                 |         |                                |         | 4                                    | 7       |                                     |         |                   |         |                       |         | 4             | 7       |
| Năm Căn          |                      |         |                                                 |         |                                |         |                                      |         |                                     |         |                   |         |                       |         | 0             | 0       |
| Ngọc Hiển        |                      |         |                                                 |         |                                |         |                                      |         |                                     |         |                   |         |                       |         | 0             | 0       |
| <b>Tổng cộng</b> | -                    | -       | -                                               | -       | -                              | -       | 82                                   | 157     | 0                                   | 0       | 0                 | 0       | 0                     | 0       | 82            | 157     |

**Phụ lục 12**  
**Tổng kết qua các đợt tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

| Đợt              | Phân bổ (liều) | Kế hoạch (mũi) | Đã tiêm (mũi)  | Vắc xin sử dụng (liều) | Ghi chú              |
|------------------|----------------|----------------|----------------|------------------------|----------------------|
| 1                | 9.700          | 11.014         | 11.268         | 9.700                  | Hoàn thành           |
| 2                | 16.320         | 18.757         | 19.080         | 16.320                 | Hoàn thành           |
| 3                | 31.850         | 34.450         | 35.486         | 31.850                 | Hoàn thành           |
| 4                | 2.330          | 2.330          | 2.498          | 2.330                  | Hoàn thành (Công an) |
|                  | 33.600         | 33.600         | 34.328         | 33.600                 | Hoàn thành           |
| 5                | 32.200         | 32.200         | 35.920         | 32.200                 | Hoàn thành           |
| 6                | 1.170          | 1.170          | 1.146          | 1.170                  | Hoàn thành           |
| 7                | 4.680          | 4.438          | 4.546          | 4.680                  | Hoàn thành           |
| 8                | 8.900          | 8.900          | 10.017         | 8.900                  | Hoàn thành           |
| 9                | 4.680          | 4.680          | 4.557          | 4.680                  | Hoàn thành           |
| 10               | 10.000         | 11.500         | 11.706         | 10.000                 | Hoàn thành           |
| 11               | 20.000         | 23.000         | 23.340         | 20.000                 | Hoàn thành           |
| 12               | 7.020          | 7.020          | 6.991          | 7.020                  | Hoàn thành           |
| 13               | 20.000         | 23.000         | 1.432          | 1.250                  | Dự kiến 28/9/2021    |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>202.450</b> | <b>216.059</b> | <b>202.315</b> | <b>183.700</b>         |                      |



**Phụ lục 13**  
**Tổng hợp các cơ sở điều trị trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

| TT         | Đơn vị                        | Số giường điều trị | Số giường điều trị COVID-19 | Số bệnh nhân chuyển qua BV khác | Số bệnh nhân nhập viện từ bệnh viện khác | Số bệnh nhân mắc mới vào trong ngày | Trường hợp tái dương vào Bệnh viện | Số ra viện trong ngày | Số bệnh nhân đang điều trị | Lũy kế từ năm 2020 đến nay |
|------------|-------------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|-----------------------|----------------------------|----------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Bệnh viện tuyến tỉnh</b>   |                    |                             |                                 |                                          |                                     |                                    |                       |                            |                            |
| 1          | Bệnh viện đa khoa Cà Mau      | 1.045              | 40                          |                                 | 2                                        | 1                                   |                                    |                       | 42                         | 96                         |
| 2          | Bệnh viện Sản Nhi Cà Mau      | 695                | 40                          |                                 |                                          |                                     |                                    | 1                     | 37                         | 68                         |
| <b>II</b>  | <b>Bệnh viện tuyến huyện</b>  |                    |                             |                                 |                                          |                                     |                                    |                       |                            |                            |
| 1          | Bệnh viện đa khoa Trần V Thời | 240                | 20                          |                                 |                                          |                                     |                                    |                       |                            | 1                          |
| 2          | Bệnh viện đa khoa Đầm Dơi     | 230                | 20                          |                                 |                                          |                                     |                                    |                       |                            |                            |
| 3          | Bệnh viện đa khoa Cái Nước    | 480                | 20                          |                                 |                                          |                                     |                                    |                       |                            |                            |
| 4          | Bệnh viện đa khoa Năm Căn     | 220                | 20                          |                                 |                                          |                                     |                                    |                       |                            |                            |
| 5          | Trung tâm Y tế U Minh         | 140                | 20                          |                                 |                                          |                                     |                                    |                       |                            | 3                          |
| 6          | Trung Tâm Y tế Thới Bình      | 150                | 20                          |                                 |                                          |                                     |                                    |                       |                            |                            |
| 7          | Trung tâm Y tế Phú Tân        | 118                | 20                          |                                 |                                          |                                     |                                    |                       |                            |                            |
| <b>8</b>   | Trung tâm Y tế Ngọc Hiển      | 100                | 20                          |                                 |                                          |                                     |                                    |                       |                            |                            |
| <b>III</b> | <b>Bệnh viện dã chiến</b>     |                    |                             |                                 |                                          |                                     |                                    |                       |                            |                            |
| 1          | Bệnh Viện Quân-Dân Y          | 30                 | 50                          |                                 |                                          |                                     |                                    |                       |                            |                            |
| 2          | Bệnh viện Lao-Bệnh phổi       |                    | 200                         |                                 |                                          |                                     |                                    |                       |                            |                            |
| 3          | Bệnh viện Y học cổ truyền     | 150                | 150                         | 2                               |                                          | 3                                   |                                    | 5                     | 84                         | 179                        |
| 4          | Khu 200 giường BVĐK Cà Mau    | 150                | 150                         |                                 |                                          |                                     |                                    |                       |                            |                            |
| <b>IV</b>  | <b>Bệnh viện tư nhân</b>      |                    |                             |                                 |                                          |                                     |                                    |                       |                            |                            |
| 1          | Bệnh viện MEDIC Cà Mau        | 50                 | 0                           |                                 |                                          |                                     |                                    |                       |                            |                            |
| 2          | Bệnh viện Hoàn Mỹ Minh Hải    | 95                 | 0                           |                                 |                                          |                                     |                                    |                       |                            |                            |
|            | <b>Tổng cộng</b>              | <b>3.893</b>       | <b>790</b>                  | <b>2</b>                        | <b>2</b>                                 | <b>4</b>                            | <b>0</b>                           | <b>6</b>              | <b>163</b>                 | <b>346</b>                 |